

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127 /TB-KSBT

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc báo giá cung cấp dịch vụ “Đánh giá lại và mở rộng
phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017”**

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ Đánh giá lại và mở rộng phòng thí nghiệm trong và ngoài tỉnh.

Trên cơ sở đề xuất Danh mục Đánh giá lại và mở rộng phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017 của Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh- Thăm dò chức năng,

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi trân trọng thông báo đến quý đơn vị có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu dưới đây vui lòng gửi báo giá đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi.

I. Nội dung công việc yêu cầu đánh giá

- Đánh giá Hệ thống phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017.

- Đánh giá kỹ thuật các phép thử phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

1. Đánh giá hệ thống: (Phụ lục I kèm theo)

2. Đánh giá kỹ thuật: (Phụ lục II kèm theo)

3. Thời gian dự kiến đánh giá: Dự kiến thực hiện đánh giá trong 02 ngày do đơn vị đánh giá chọn ngày phù hợp.

4. Địa điểm đánh giá

Tại khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh- Thăm dò chức năng (khoa XN) thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi.

- Phòng thí nghiệm trụ sở 1: Số 122 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Phòng thí nghiệm trụ sở 2: Số 405 Bà Triệu, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.

II. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 122 Nguyễn Văn Linh, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi (qua phòng Tài chính- Kế toán, khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh-Thăm dò chức năng hoặc văn thư) vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 (nhận bản giấy). Địa chỉ: Số 122 Nguyễn Văn Linh, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Nhận qua số điện thoại: Đặng Văn Sơn 0906 57 57 50.

- Nhận qua email: khoaxetnghiem2013@gmail.com bản scan và file mềm excel (tiêu đề: Báo giá theo yêu cầu tại Thông báo/TB-KSBT ngày .../.../....).

3. Thời hạn nhận báo giá: Từ ngày phát hành Thông báo đến trước **15 giờ ngày 06/02/2026** (các báo giá nhận sau thời điểm này sẽ không được xem xét).

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

Đề nghị các đơn vị cung cấp dịch vụ đánh giá giám sát phòng thí nghiệm trong và ngoài tỉnh quan tâm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website của TT KSBT;
- Lưu: VT, KHN, XN, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Ký bởi: Võ Thanh Tân
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 29/01/2026 17:04:49

Võ Thanh Tân

PHỤ LỤC I
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG
(Kèm theo Thông báo số 127/TB-KSBT ngày 30/01/2026
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung đánh giá	Tham chiếu ISO/IEC 17025: 2017
I	Yêu cầu chung	4
1	Khách quan	4.1
2	Bảo mật	4.2
II	Yêu cầu về cơ cấu	5
III	Yêu cầu về nguồn lực	6
1	Nhân sự	6.2
2	Cơ sở vật chất và điều kiện môi trường	6.3
3	Thiết bị	6.4
4	Liên kết chuẩn đo lường	6.5
5	Sản phẩm và dịch vụ do bên ngoài cung cấp	6.6
IV	Yêu cầu về quá trình	
1	Xem xét yêu cầu đề nghị và hợp đồng	7.1
2	Lựa chọn, kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng.	7.2
3	Lấy mẫu	7.3
4	Xử lý đối tượng thử nghiệm	7.4
5	Hồ sơ kỹ thuật	7.5
6	Đánh giá độ không đảm bảo đo	7.6
7	Đảm bảo giá trị sử dụng của kết quả	7.7
8	Báo cáo kết quả	7.8
9	Khiếu nại	7.9
10	Công việc không phù hợp	7.10
11	Kiểm soát dữ liệu-Quản lý thông tin	7.11
V	Yêu cầu về hệ thống quản lý	
1	Tài liệu hệ thống quản lý	8.2
2	Kiểm soát tài liệu	8.3
3	Kiểm soát hồ sơ	8.4
4	Hành động để giải quyết rủi ro và cơ hội	8.5
5	Cải tiến	8.6
6	Hành động khắc phục	8.7
7	Đánh giá nội bộ	8.8
8	Xem xét của lãnh đạo	8.9

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT
(Kèm theo Thông báo số 127/TB-KSBT ngày 30/01 năm 2026
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo
A	Phòng thử nghiệm Trại sở 1: Số 122 Nguyễn Văn Linh, P. Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi			
I	Thử nghiệm Hóa học			
1	Nước sạch, nước ngầm, nước mặt, nước uống đóng chai, nước qua hệ thống lọc	Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử	TCVN 6178:1996	0,05 mg/L
2		Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp trắc phổ dùng Axit sunfosalixylic	TCVN 6180:1996	0,2 mg/L
3		Xác định hàm lượng Mn Phương pháp trắc quang dùng Fomaldoxym	TCVN 6002:1995	0,05 mg/L
4		Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
5	Nước sạch, nước ngầm, nước mặt	Xác định pH	TCVN 6492:2011	2 ~ 12
6		Xác định chỉ số Pemanganat Phương pháp chuẩn độ KMnO ₄	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
7		Xác định hàm lượng Clorua. Phương pháp chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị Cromat (Phương pháp MO)	TCVN 6194:1996	5 mg/L
8		Xác định hàm lượng tổng Canxi và magie. Phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 6224:1996	5 mg/L
9		Xác định độ đục	TCVN 12402-1:2020	1,2 NTU
10		Xác định Độ màu- Phương pháp C	TCVN 6185:2015	6,0 TCU
II	Thử nghiệm Sinh			
1	Thực phẩm và thức ăn chăn nuôi	Phát hiện và định lượng <i>Coliform</i> bằng kỹ thuật đếm có xác suất lớn nhất	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	
2		Phát hiện và định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định bằng kỹ thuật đếm có xác	TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005)	

TT	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo
		suất lớn nhất		
3	Nước uống đóng chai, Nước đá, Nước sạch, Nước chưa qua xử lý	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Coliform</i> bằng phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100mL CFU/250mL
4		Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> bằng phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100mL CFU/250mL
5		Phát hiện và đếm vi khuẩn đường ruột (<i>Streptococci feacal</i>) bằng phương pháp màng lọc	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)	CFU/100mL CFU/250mL
6		Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Pseudomonas Aeruginosa</i> bằng phương pháp màng lọc	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	CFU/100mL CFU/250mL
7	Nước sạch, Nước chưa qua xử lý	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> bằng phương pháp màng lọc	SMEWW 9213B:2023	CFU/100mL CFU/250mL
B	Phòng thử nghiệm Trụ sở 2: Số 405 Bà Triệu, P. Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi			
I	Thử nghiệm Hóa học			
1	Nước sạch, nước ngầm, nước mặt, nước uống đóng chai, nước qua hệ thống lọc.	Xác định hàm lượng Fe. Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,1 mg/L
2		Xác định hàm lượng Mn. Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,06 mg/L
3		Xác định hàm lượng Cu. Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,1 mg/L
4		Xác định hàm lượng Zn. Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,1 mg/L
5		Xác định hàm lượng Ni. Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,05 mg/L
6		Xác định hàm lượng Pb. Phương pháp GF-AAS	SMEWW 3113B:2023	2 µg/L
7		Xác định hàm lượng As. Phương pháp HG-AAS	SMEWW 3114B:2023	2 µg/L
8		Xác định hàm lượng Hg. Phương pháp CV-AAS	SMEWW 3112B:2023	1 µg/L
9		Xác định hàm lượng Nitrit. Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử	TCVN 6178:1996	0,05 mg/L
10		Xác định hàm lượng nitrat. Phương pháp trắc phổ	TCVN 6180:1996	0,1 mg/L

TT	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo
		dùng Axit sunfosalixylic		
11		Xác định hàm lượng sắt. Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
12	Nước sạch, nước ngầm, nước mặt	Xác định pH	TCVN 6492:2011	2~12
13		Xác định chỉ số Pemanganat. Phương pháp chuẩn độ KMnO ₄	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
14		Xác định hàm lượng Clorua. Phương pháp chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị Cromat - Phương pháp MO.	TCVN 6194:1996	5 mg/L
15		Xác định hàm lượng Sunfat. Phương pháp UV-Vis	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2023	5 mg/L
16		Xác định hàm lượng tổng Canxi và magie. Phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 6224:1996	5 mg/L
17		Xác định hàm lượng Amoni. Phương pháp UV-Vis.	SMEWW 4500 NH ₃ F:2023	0,2 mg/L
18		Xác định độ đục	SMEWW 2130 B: 2023	1,2 NTU
19	Nước sạch	Xác định Clo dư. Phương pháp chuẩn độ.	SMEWW 2350B: 2023	0,2 mg/L
II Thử nghiệm Sinh				
1	Nước sạch dùng cho sinh hoạt (nước giếng đào, nước giếng khoan, nước máy, nước qua hệ thống lọc); nước uống đóng chai; nước đá.	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Coliform</i> . Phương pháp màng lọc.	TCVN 6187-1:2019	1 CFU/100mL 1 CFU/250mL
2		Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> . Phương pháp màng lọc.	TCVN 6187-1:2019	1 CFU/100mL 1 CFU/250mL
3		Phát hiện và đếm <i>Pseudomonas aeruginosa</i> . Phương pháp màng lọc.	TCVN 8881:2011	1 CFU/100mL 1 CFU/250mL
4		Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột. Phương pháp màng lọc.	TCVN 6189-2:2009	1 CFU/100mL 1 CFU/250mL